

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 15-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Ma Văn Hán;
- Ông: Hoàng Văn Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn San -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bé Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Triệu Văn L, sinh ngày 12/5/1997; tại Bảo L, Cao Bằng; nơi cư trú: xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Trùng C và con bà Hoàng Thị M1; vợ Triệu Mùi N; con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2022; anh chị em ruột: Bị cáo có 05 (Năm) anh chị em, bị cáo là con thứ 05; nhân thân: Tốt; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/5/2023 đến nay tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn L:* bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

* *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng;

Người được ủy quyền ông Nguyễn Đức Nh- Chủ tịch UBND xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng (theo giấy ủy quyền số 1933/GUQ-UBND ngày 11/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng). Có mặt

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Đàm Văn Th, sinh ngày 01/01/1964.

Nơi cư trú: xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

* *Người làm chứng:* Ông Triệu Trùng C, sinh ngày 11/11/1962.

Nơi cư trú: xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

* *Người phiên dịch (tiếng dân tộc Dao):* Ông Phương Văn Liều.

Nơi cư trú: Khu B, thị trấn Pác M, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/12/2022, tổ công tác Công an huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Hạt kiểm L huyện và Chính quyền xã tiến hành tuần tra, kiểm tra thực trạng rừng tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng phát hiện phần diện tích đất rừng tại lô 48, khoảnh 6, tiểu Khu 101, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 03 đã bị chặt phá. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc để điều tra làm rõ.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L phối hợp với các cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Hạt kiểm L huyện, Chính quyền địa phương xã Quảng L và những người liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả xác định: Số lượng L sản là vật chứng bị chặt phá gồm 295 đoạn gỗ với khối lượng 18,669 m³ gỗ tròn và 6,027 Ster củi. Trong quá trình khám nghiệm hiện trường, Hạt kiểm L huyện Bảo L tiến hành đo xác định diện tích rừng bị chặt phá là 6.328 m² (Sáu nghìn ba trăm hai mươi tám mét vuông). Sau khi tiến hành khám nghiệm đã bàn giao vật chứng cho Ủy ban nhân dân xã Quảng L trông coi, quản lý.

Căn cứ Quyết định số 415/QĐ - UBND ngày 31/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Cao Bằng, kết quả khám nghiệm hiện trường, trích lục bản đồ của Hạt kiểm L xác định khu vực rừng bị chặt phá thuộc lô 48, khoảnh 6, tiểu khu 101, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 03, (Rừng gỗ tự nhiên núi đất, lá rộng thường xanh phục hồi); loại rừng, Rừng tự nhiên; chức năng là Rừng sản xuất. Qua kiểm tra xác định trạng thái Rừng bị phá hoại là Rừng nghèo kiệt (TXK) có trữ lượng 10 m³ đến 50 m³, khu vực Rừng được Ủy ban nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng giao cho hộ gia đình ông Đàm Văn Th quản lý, bảo vệ theo Quyết định số:

273/QĐ-UBND ngày 21/7/2006, hàng năm hộ gia đình ông Th được nhận tiền chăm sóc dịch vụ môi trường rừng do Chi cục kiểm L tỉnh Cao Bằng chi trả; tuy nhiên, hiện nay chưa in được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa tiến hành giao giấy chứng nhận cho ông Th.

Ngày 26/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng đã đề nghị Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên, Môi trường tỉnh Cao Bằng tiến hành đo diện tích rừng đã bị huỷ hoại trong vụ việc trên. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên, Môi trường tỉnh Cao Bằng, Hạt kiểm L huyện Bảo L, chính quyền địa phương và những người liên quan tiến hành đo, xác định diện tích rừng đã bị huỷ hoại bằng máy toàn đạc điện tử kết hợp với máy RTK. Kết quả xác định: Tổng diện tích rừng đã bị huỷ hoại là: 7475,6 m² (Bảy nghìn bốn trăm bảy mươi năm phẩy sáu mét vuông) trong đó diện tích đã bị san lấp là 4136,3 m² (Bốn nghìn một trăm ba mươi sáu phẩy ba mét vuông).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 72/KL-HĐDGTS ngày 07/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Bảo L kết luận; 18,669 m³ gỗ (Xà còi) có trị giá 33.604.200 đồng; 6,027 Ster của trị giá 1.265.700 đồng. Tổng cộng là 34.869.900 đồng.

Quá trình điều tra, xác định: Khoảng năm 1991, ông Triệu Trùng C (Bố bị cáo L) đi khai hoang đất rừng làm nương rẫy tại xã Mông Ân, Bảo L (nay được xác định là lô 48, khoảnh 6, tiểu khu 101, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 03. Sau đó gia đình ông C sử dụng thửa đất đã khai hoang để canh tác nông nghiệp, đến khoảng năm 2005 thì không canh tác nữa và để cây mọc tự nhiên.

Đến tháng 8 năm 2022, Triệu Văn L được bố là Triệu Trùng C chỉ cho phần diện tích đất mà gia đình đã khai hoang trước đó tại Phiêng M, Quảng L, Bảo L. Do không có đất làm nương rẫy, nên L một mình sử dụng máy cưa xăng nhãn hiệu "Chain Saw Kamas Km 5900" màu đen trắng để cưa hạ các cây gỗ tại phần diện tích đất của lô 48, khoảnh 6, tiểu khu 101, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 03 với mục đích lấy đất để làm nương rẫy phát triển kinh tế gia đình. Thời gian chặt phá rừng là khoảng 02 ngày; khi chặt phá rừng L không xin phép cơ quan có thẩm quyền; bị cáo chặt hạ các cây gỗ xong bị cáo đã đốt cây khô và thuê Đàm Văn T (trú tại: Phiêng M, Quảng L, Bảo L) dùng máy xúc san gạt một phần đất để lấy mặt bằng làm ruộng.

Quá trình mở rộng điều tra, xác định: Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2007 phần đất rừng tại lô 48, khoảnh 6, tiểu khu 101, thửa đất số 305, tờ bản đồ số 03 vẫn thuộc địa phận xóm Phiêng M, xã Mông Ân, huyện Bảo L. Đến năm 2007 tiến hành tách xóm Phiêng M của xã Mông Ân nhập vào xã Quảng L, huyện Bảo L. Hiện tại toàn bộ diện tích đất rừng trên thuộc địa phận xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L. Ngày 31/3/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết

định số 415/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Theo đó phần đất rừng trên đã được điều chỉnh từ mục đích sử dụng là Rừng phòng hộ (RPH) thành rừng có mục đích sử dụng rừng sản xuất. Tại thời điểm bị huỷ hoại, diện tích rừng bị huỷ hoại không có thay đổi về chức năng sử dụng.

Trong quá trình điều tra Triệu Văn L thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, lời khai của bị cáo phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Ngày 11/7/2023 bị cáo L đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng, (bằng chữ: Mười năm triệu đồng) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra.

Các vật chứng, tài sản đã tạm giữ gồm: 295 đoạn gỗ với khối lượng 18,669m³ gỗ tròn và 6,027 Ster củi; 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu "Chain Saw Kamas Km 5900" màu đen trắng, tổng chiều dài 91cm, máy đã qua sử dụng, hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 38 ngày 25/7/2023.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Triệu Văn L phạm tội “Huỷ hoại rừng”.
- *Về hình phạt:* Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm b, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Triệu Văn L từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.
- *Xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

(Các vật chứng, tài sản trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 38 ngày 25/7/2023).

* *Tịch thu phát mại để nộp vào ngân sách Nhà nước:* 01 Máy cưa cầm tay Nhãn hiệu “Chain Saw Kamas Km 5900” màu đen trắng, tổng chiều dài 91cm, máy đã qua sử dụng.

* *Đối với 295 đoạn gỗ với khối lượng 18,669 m³ gỗ tròn và 6,027 Ster củi đã giao cho UBND xã Quảng L quản lý, hiện nay để tại hiện trường tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Nay đã bị mục nát, không còn giá trị sử dụng nên giao cho UBND xã xử lý tận thu.*

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Triệu Văn L phải bồi thường thiệt hại bằng giá trị L sản bị thiệt hại là 34.869.900 đồng. Xác nhận, bị cáo Triệu Văn L đã nộp số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp số tiền còn lại là 19.869.900 đồng.

* *Án phí*: Bị cáo Triệu Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo bà Nguyễn Thị Dạ Thảo trình bày luận cứ và đề nghị như sau:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tôi nhất trí đối với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng về tội danh, điều luật đã truy tố về hành vi phạm tội "Hủy hoại rừng" theo điểm b, khoản 1, Điều 243 là có căn cứ pháp luật; tuy nhiên, với tư cách là người bào chữa tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các yếu tố sau; nhân thân người phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, quanh năm gắn bó với lao động trồng trọt. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa Nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt và giảm số tiền bồi thường về trách nhiệm dân sự mà bị cáo còn phải thực hiện là 19.869.900 đồng, *(bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng)*. Ngày 11/7/2023 bị cáo L tự nguyện đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L nộp số tiền 15.000.000 đồng, *(bằng chữ: Mười năm triệu đồng)* theo biên lai thu tiền số: 0001621, để khắc phục một phần hậu quả do bản thân gây ra, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đàm Văn Th sau khi sự việc xảy ra, các cơ quan chức năng đến kiểm tra và thông báo tôi mới biết diện tích rừng trên là do Triệu Văn L đi chặt phá; Tuy nhiên, phần diện tích rừng trên Nhà nước đã giao cho tôi để quản lý, hàng năm vẫn nhận được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, mỗi lần nhận tiền đều tại Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Tại phiên tòa hôm nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

* Nguyên đơn dân sự, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng ông Nguyễn Đức Nh có ý kiến như sau: Sự việc chặt phá rừng xảy ra do bị cáo Triệu Văn L thực hiện, mục đích chặt phá từ khi bị cáo xây dựng gia đình, chia tách ra sinh sống ở riêng, thiếu đất để canh tác trồng trọt, được bố chỉ cho vị trí đất rừng trước đây bố bị cáo đã từng canh tác trồng trọt; do vậy, bị cáo một mình tự chặt hạ đối với toàn bộ diện tích đất rừng trên, mục đích để phát triển kinh tế gia đình, khu rừng trên trước đây là rừng có chức năng phòng hộ, nay có chức năng là rừng sản xuất. Bị cáo L là công dân của xã Quảng L, gia đình bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là dân tộc thiểu số, tại địa phương bị cáo chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước. Từ

những phân tích trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các căn cứ, các quy định của pháp luật để áp dụng hình phạt đối với bị cáo, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức bồi thường thiệt hại dân sự cho bị cáo theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra, về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa bị cáo đã trình bày rất rõ, gia đình bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện, kinh tế đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay tôi đề nghị Hội đồng xét xử, đối chiếu các quy định của pháp luật áp dụng cho bị cáo L được miễn số tiền bị cáo chưa thi hành, trong tổng số tiền 34.869.900 đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước, vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ gia đình có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo còn phải nuôi dưỡng 02 người con còn nhỏ, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Kiểm L viên; quyết định khởi tố vụ án, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đều đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn báo về hành vi phạm tội của mình và thừa nhận nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 243 Bộ luật Hình sự:

"Điều 243: Tội hủy hoại rừng

1. Người nào đất, phủ rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng, đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn

hồi cải. Đối với các đề nghị trên Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, sự thỏa T giữa nguyên đơn dân sự với bị cáo tại phiên tòa không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các điều cấm của luật nên được chấp nhận.

Trong vụ án này, đối với Triệu Trùng C là người đã chỉ vị trí đất đã khai hoang trước đây cho L. Quá trình L thực hiện hành vi hủy hoại rừng ông C không biết và không được giúp sức do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với Đàm Văn T, quá trình san gạt T không biết phần đất này là khu vực rừng sản xuất mà chỉ thực hiện việc san gạt theo thỏa T với L. Khi san gạt, phần đất này đã được Triệu Văn L chặt hạ các cây gỗ. Do vậy hành vi không cấu thành tội Hủy hoại rừng với vai trò đồng phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo L không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ

Đối với đề nghị của của người bào chữa cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Những đề nghị trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

Về nhân thân: Bị cáo L sinh ra và lớn tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L tại nơi cư trú bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; Điều kiện hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo hiện nay hai vợ chồng mới chia tách ra ở riêng gặp nhiều khó khăn, gia đình thiếu đất sản xuất; trước khi phạm tội bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, mục đích chặt phá rừng của bị cáo là để có đất trồng lúa, trồng ngô cải thiện cuộc sống, phát triển kinh tế gia đình. Bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì được bố đẻ ông Triệu Trùng C chỉ phần đất trên là đất rẫy của gia đình ông đã từng canh tác làm rẫy trồng ngô cho bị cáo, để bị cáo một mình thực hiện hành vi chặt hạ, huỷ hoại rừng mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi theo luật định, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà để bị cáo có cơ hội tự rèn luyện bản thân, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm tuyên truyền giáo dục cho mọi công dân biết về tác hại của việc chặt hạ, huỷ hoại rừng.

- *Tình tiết tăng nặng*: Không có;

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

(điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự); tại phiên toà Nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có Đơn yêu cầu giảm bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị cáo L. Hội đồng xét xử xét đến các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Pháp luật và các tình tiết có lợi cho người phạm tội để áp dụng cho bị cáo.

Toàn bộ diện tích rừng do bị cáo chặt phá là rừng sản xuất, hiện nay bị cáo đã san lấp, trồng cây khắc phục hậu quả trên lô đất đã bị chặt hạ.

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Hướng xử lý vật chứng vụ án:

- 01 máy cưa cầm tay nhãn hiệu “Chain Saw Kamas Km 5900” màu đen trắng, tổng chiều dài 91cm; Đây là công cụ bị cáo L sử dụng để chặt phá rừng trái phép, cần tịch thu phát mại để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 295 đoạn gỗ với khối lượng 18,669 m³ gỗ tròn và 6,027 Ster củi đã giao cho UBND xã Quảng L quản lý, hiện nay để tại hiện trường tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng. Toàn bộ số vật chứng trên đã bị mục nát, không còn giá trị sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, giao cho Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng xử lý tận thu đối với số vật chứng trên là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tổng giá trị L sản bị thiệt hại là 34.869.900 đồng, (bằng chữ: Ba mươi tư triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng). Trước khi đưa vụ án ra xét xử, bị cáo L đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp số tiền 15.000.000 đồng, theo biên lai số: 0001621 ngày 11/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng), bị cáo L còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ với số tiền 19.869.900 đồng, (bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng), để nộp vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tại phiên toà Nguyên đơn dân sự có đề nghị xem xét miễn, giảm số tiền bồi thường trách nhiệm dân sự còn lại cho bị cáo L đối với số tiền 19.869.900 đồng, số tiền mà bị cáo L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả. Xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo, hiện nay bị cáo thuộc diện gia đình hộ nghèo; do vậy, không có khả năng tiếp tục thực hiện bồi thường vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Hội đồng xét xử nhận thấy đối với đề nghị của Nguyên đơn dân sự là xuất phát từ điều kiện, hoàn cảnh kinh tế hiện nay của gia đình bị cáo; do vậy, đối với đề nghị trên của nguyên đơn dân sự là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: bị cáo thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đã có Đơn xin miễn án phí, trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử xem xét đến các quy định của pháp luật và Đơn xin được miễn án phí để áp dụng đối với bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt, hướng xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố, bị cáo Triệu Văn L phạm tội "*Hủy hoại rừng*".

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 243; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt, bị cáo Triệu Văn L 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/8/2023). Giao bị cáo Triệu Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng để giám sát, giáo dục.

"Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Triệu Văn L phải bồi thường giá trị L sản bị thiệt hại với số tiền 15.000.000 đồng, để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận, bị cáo L tự nguyện khắc phục hậu quả với số tiền 15.000.000 đồng, (*bằng chữ: Mười năm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0001621, ngày 11/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

Bị cáo Triệu Văn L được miễn nộp số tiền còn phải thi hành 19.869.900 đồng, (*bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm đồng*).

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Giao cho Ủy ban nhân dân xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng xử lý tận thu đối với: 295 đoạn gỗ với khối lượng 18,669 m³ gỗ tròn và 6,027 Ster củi, hiện nay để tại hiện trường tại xóm Phiêng M, xã Quảng L, huyện Bảo L, tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu phát mại để nộp vào ngân sách Nhà nước: 01(Một) máy cưa cầm

tay nhãn hiệu “Chain Saw Kamas Km 5900” màu đen trắng, tổng chiều dài 91cm;

(Xác nhận tình trạng vật chứng hiện đã được giao, nhận bảo quản tại kho vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L tỉnh Cao Bằng số 38 ngày 25/7/2023).

5. Về án phí: Bị cáo Triệu Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bào chữa, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Có mặt), có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện Bảo L;
- Bị cáo L; người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Nguyên đơn dân sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã Quảng L;
- L hồ sơ vụ án;
- L hồ sơ thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nông Đức Thọ

